

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VÔ TRANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25 /NQ-HĐND

Vô Tranh, ngày 15 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc tiếp nhận bổ sung, điều chỉnh
Kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Vô Tranh (lần 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VÔ TRANH KHOÁ XX,
KỲ HỌP THỨ TƯ (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025, theo đó Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định sắp xếp để thành lập 92 đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP, ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND, ngày 29/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 3148/QĐ-UBND, ngày 27/12/2024 của UBND huyện Phú Lương về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công huyện Phú Lương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 822/QĐ-UBND, ngày 11/4/2025 của Chủ tịch UBND huyện Phú Lương về việc cấp kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung năm 2025 cho các đơn vị mua xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn huyện Phú Lương năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 103/KH-UBND, ngày 19/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện Phú Lương triển khai thực hiện các dự án, công trình sử dụng nguồn hỗ trợ xi măng xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện Phú Lương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND, ngày 17/10/2024 của Hội đồng nhân dân xã Cổ Lũng phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 xã Cổ Lũng (lần 5);

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND xã Phú Đô: Số 16/NQ-HĐND, ngày 27/12/2024 về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Phú Đô; số 12/NQ-HĐND, ngày 25/12/2023 về việc phê chuẩn kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, chủ trương đầu tư các công trình năm 2024; số 11/NQ-HĐND, ngày 08/11/2024 việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Phú Đô;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND, ngày 15/11/2024 của HĐND xã Tứ Trưng phê chuẩn điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 6);

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND xã Vô Tranh: Số 36/NQ-HĐND, ngày 28/7/2022 phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng một số dự án của xã Vô Tranh năm 2022 và giai đoạn 2022-2025; số 52/NQ-HĐND, ngày 26/12/2022 về việc phê chuẩn kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, chủ trương đầu tư các công trình năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 08/8/2025 của HĐND xã Vô Tranh về việc tiếp nhận kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Vô Tranh;

Xét Tờ trình số 116/TTr-UBND, ngày 10/9/2025 của UBND xã Vô Tranh về việc tiếp nhận kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Vô Tranh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã Vô Tranh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tiếp nhận bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Vô Tranh (lần 1), cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh danh mục, cơ cấu nguồn vốn, kế hoạch vốn đã bố trí của 01 công trình đã tiếp nhận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 08/8/2025 của HĐND xã Vô Tranh.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Tiếp nhận bổ sung 38 công trình thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2025 của 04 xã trước sắp xếp vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Vô Tranh với tổng mức đầu tư là: 17.737.826.785 đồng; tổng kế hoạch vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025 là: 11.400.274.001 đồng, kế hoạch vốn bố trí năm 2025 là 5.148.852.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND xã tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Vô Tranh khoá XX, Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 15 tháng 9 năm 2025./.

Nơi nhận

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQ, các đoàn thể xã;
- Văn phòng Đảng uỷ xã;
- Các đại biểu HĐND xã khoá XX;
- Các phòng, đơn vị liên quan;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT. *VT*



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thuý Hằng
Nguyễn Thuý Hằng

PHỤ LỤC I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 XÃ VŨ TRANH (LẦN 1)
(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Vũ Tranh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã tiếp nhận						Bổ sung tăng, giảm (+/-)						Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
		Tổng mức đầu tư/giá trị quyết toán	Trong đó				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Số vốn kéo dài giải ngân đến 30/6/2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSNN		
			Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện (nay là ngân sách xã)	Ngân sách xã		Ngân sách xã	Trong đó NSNN	Nguồn vốn khác							
		330	-	330	-	60	-	270	-	161	101	-101	101	101	330	161	
	TỔNG CỘNG	330	-	330	-	60	-	270	-	161	101	-101	101	101	330	161	
III	DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CỦA CÁC XÃ CỤ CHUYÊN GIAO CHO XÃ VŨ TRANH	330	-	330	-	60	-	270	-	161	101	-101	101	101	330	161	
31	Đường bê tông xóm Cây Thi năm 2024, xã Tức Tranh	330		330		60		270		161	101	-101	101	101	330	161	Điều chỉnh tên, cơ cấu nguồn vốn

PHỤ LỤC II
BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 XÃ VŨ TRẠNH (LẦN 1)
 (Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Vũ Tranh)

STT	Danh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án/QĐ phê duyệt quyết toán										Số vốn kéo dài dự kiến chuyển giao cho đơn vị mới tiếp tục giải ngân từ 01/7/2025
		Tổng mức đầu tư giá trị quyết toán	Trong đó				Số vốn của loại năm 2025 chuyển giao cho đơn vị mới tiếp tục giải ngân	Số vốn năm 2025 giải ngân đến 30/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Số vốn năm 2025 giải ngân	Kế hoạch vốn năm 2025	
			Vốn ngân sách trung ương	Tổng vốn	Vốn ngân sách địa phương	Nguồn vốn khác						
			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện (nay là ngân sách xã)	Ngân sách địa phương	Ngân sách xã	Ngân sách xã	Kế hoạch trung hạn giải ngân 2021-2025	Tổng kế hoạch vốn đã bố trí các năm 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Số vốn năm 2025 giải ngân đến 30/6/2025	
	TỔNG CỘNG	17.737.826.812	4.138.994.830	13.598.831.982	5.289.924.982	-	8.308.907.000	16.869.841.000	11.400.274.001	5.148.852.000	5.148.852.000	-
I	Xã Cổ Lăng	2.658.724.812	-	2.658.724.812	861.160.812	-	1.797.564.000	2.341.663.000	2.341.663.000	836.763.000	836.763.000	-
1	Đường bê tông xóm Đoạ Cọ năm 2024, xã Cổ Lăng	245.010.865	-	245.010.865	72.476.865	-	172.534.000	212.427.000	212.427.000	72.427.000	72.427.000	-
2	Đường bê tông xóm Làng Đông năm 2024, xã Cổ Lăng	934.653.594	-	934.653.594	282.525.594	-	652.128.000	872.472.000	872.472.000	282.472.000	282.472.000	-
3	Đường bê tông xóm Bà Sơn Năm 2024, xã Cổ Lăng	185.577.265	-	185.577.265	55.034.265	-	130.543.000	95.644.000	95.644.000	35.644.000	35.644.000	-
4	Đường bê tông xóm Tân Long năm 2024, xã Cổ Lăng	305.222.088	-	305.222.088	92.406.088	-	212.816.000	247.502.000	247.502.000	87.502.000	87.502.000	-
5	Đường bê tông xóm Làng Ngòi năm 2024, xã Cổ Lăng	166.767.000	-	166.767.000	56.548.000	-	110.219.000	146.548.000	146.548.000	56.548.000	56.548.000	-
6	Đường bê tông xóm Đồi Chè năm 2024, xã Cổ Lăng	593.585.000	-	593.585.000	222.306.000	-	371.279.000	552.206.000	552.206.000	222.306.000	222.306.000	-
7	Đường bê tông xóm Đông Sang năm 2024, xã Cổ Lăng	227.909.000	-	227.909.000	79.864.000	-	148.045.000	214.864.000	214.864.000	79.864.000	79.864.000	-
II	Xã Vũ Tranh	4.272.750.000	784.000.000	3.488.750.000	1.341.394.000	-	2.147.356.000	4.222.594.000	2.509.094.000	1.150.605.000	1.150.605.000	-
1	Công trình thiết nước khu trung tâm xã Vũ Tranh	983.156.000	784.000.000	199.156.000	150.000.000	-	49.156.000	933.000.000	933.000.000	158.000.000	158.000.000	-
2	Đường nhánh Hai Bao xóm Làng Huyện	477.200.000	-	477.200.000	172.900.000	-	304.300.000	477.200.000	146.300.000	131.253.000	131.253.000	-
3	Đường bê tông 4 nhánh xóm Liên Hồng 8	259.100.000	-	259.100.000	93.800.000	-	165.300.000	259.100.000	167.700.000	93.800.000	93.800.000	-
4	Đường bê tông xóm Bình Long năm 2023	238.300.000	-	238.300.000	86.400.000	-	151.900.000	238.300.000	136.400.000	86.430.000	86.430.000	-
5	Đường bê tông nhánh xóm Liên Hồng 3	329.694.000	-	329.694.000	119.394.000	-	210.300.000	329.694.000	169.394.000	119.394.000	119.394.000	-
6	Đường bê tông xóm Toàn Thắng năm 2023	190.900.000	-	190.900.000	69.100.000	-	121.800.000	190.900.000	119.100.000	69.144.000	69.144.000	-
7	Đường bê tông Tân Bình 1 năm 2023	134.700.000	-	134.700.000	48.800.000	-	85.900.000	134.700.000	128.800.000	48.776.000	48.776.000	-
8	Đường bê tông xóm Thống Nhất 1 năm 2022	636.000.000	-	636.000.000	230.200.000	-	405.800.000	636.000.000	219.000.000	119.394.000	119.394.000	-
9	Đường bê tông xóm Cầu Bình 2 đi xã Vũ Tranh	825.500.000	-	825.500.000	299.000.000	-	526.500.000	825.500.000	438.800.000	298.820.000	298.820.000	-
10	Đường bê tông xóm Trung Thành 1 năm 2023	198.200.000	-	198.200.000	71.800.000	-	126.400.000	198.200.000	50.600.000	25.594.000	25.594.000	-
III	Xã Phú Đê	7.111.240.000	3.354.994.830	3.756.245.170	1.784.718.170	0	1.971.527.000	6.610.472.000	4.958.874.000	1.901.415.000	1.901.415.000	0
1	Đường GTNT xóm Na Sàng xã Phú Đê năm 2024	599.994.000	483.034.000	116.960.000	86.960.000	-	30.000.000	503.966.000	503.966.000	86.966.000	86.966.000	-
2	Đường GTNT xóm Phú Bắc xã Phú Đê năm 2024	1.100.000.000	886.210.000	213.790.000	158.790.000	-	55.000.000	963.790.000	963.790.000	158.790.000	158.790.000	-
3	Đường GTNT xóm Phú Nam 8 xã Phú Đê 2024	1.100.000.000	883.530.000	216.470.000	161.470.000	-	55.000.000	966.470.000	966.470.000	161.470.000	161.470.000	-

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án	QĐ chỉ trưởng đầu tư/QĐ phê duyệt dự án/QĐ phê duyệt quyết toán										Số vốn kéo dài dự kiến chuyển giao cho đơn vị mới tiếp tục giải ngân từ 01/7/2025		
		Tổng mức đầu tư/giá trị quyết toán	Trong đó					Số vốn kéo dài giải ngân đến 30/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Số vốn còn lại năm 2025 chuyển giao cho đơn vị mới tiếp tục giải ngân	Số vốn năm 2025 giải ngân đến 30/6/2025		Kế hoạch vốn năm 2025	
			Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách địa phương			Nguồn vốn khác							
				Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện (nay là ngân sách xã)								Ngân sách xã
4	Đường bê tông xóm Phú Nam 3, xã Phú Đô	600.000.000	336.420.830	273.579.170	93.579.170	-	-	180.000.000	-	34.000.000	34.000.000	-	-	-
5	Đường bê tông nối xóm Vu 2, xã Phú Đô năm 2024	263.582.000	-	263.582.000	101.572.000	-	-	162.010.000	-	101.572.000	101.572.000	-	-	-
6	Đường bê tông xóm Phú Nam 7 xã Phú Đô năm 2024	262.504.000	-	262.504.000	101.034.000	-	-	161.470.000	-	101.304.000	101.304.000	-	-	-
7	Đường bê tông xóm Phường 1 xã Phú Đô năm 2024	398.263.000	-	398.263.000	149.745.000	-	-	248.518.000	-	398.263.000	149.745.000	-	-	-
8	Đường bê tông xóm Phú Nam 3 xã Phú Đô năm 2024	643.089.000	-	643.089.000	241.803.000	-	-	401.286.000	-	241.803.000	241.803.000	-	-	-
9	Đường bê tông xóm Phú Nam 7 xã Phú Đô năm 2024 (đoạn 2)	117.415.000	-	117.415.000	44.086.000	-	-	73.329.000	-	44.086.000	44.086.000	-	-	-
10	Mở rộng đường GTNT xóm Cúc Lũng xã Phú Đô năm 2024 (Đường rộng 6m)	215.543.000	85.800.000	129.743.000	72.092.000	-	-	57.651.000	-	215.543.000	158.092.000	-	-	-
11	Mở rộng đường GTNT xóm Phú Nam 7 xã Phú Đô (đường rộng 6m)	226.073.000	90.000.000	136.073.000	75.643.000	-	-	60.430.000	-	226.073.000	165.643.000	-	-	-
12	Mở rộng đường GTNT xóm Khe Vàng đi Phú Nam đi xã Tức Tranh đường rộng 6m	1.584.777.000	600.000.000	984.777.000	497.944.000	-	-	486.833.000	-	1.584.777.000	497.944.000	-	-	-
IV	Xã Tức Tranh	3.695.112.000	-	3.695.112.000	1.302.652.000	-	-	2.392.460.000	-	3.695.112.000	1.260.069.000	-	-	-
1	Đường bê tông xóm Đồng Danh năm 2024, xã Tức Tranh	430.000.000	-	430.000.000	144.000.000	-	-	286.000.000	-	430.000.000	100.835.000	-	-	-
2	Đường bê tông xóm Khe Cốc năm 2024, xã Tức Tranh	217.000.000	-	217.000.000	81.000.000	-	-	136.000.000	-	217.000.000	81.338.000	-	-	-
3	Đường bê tông xóm Thâm Giang năm 2024, xã Tức Tranh	541.000.000	-	541.000.000	180.000.000	-	-	361.000.000	-	541.000.000	180.498.000	-	-	-
4	Đường bê tông xóm Đan Khê năm 2024, xã Tức Tranh	368.000.000	-	368.000.000	123.000.000	-	-	245.000.000	-	368.000.000	123.280.000	-	-	-
5	Đường bê tông xóm Đồng Tiến năm 2024, xã Tức Tranh	292.000.000	-	292.000.000	110.000.000	-	-	182.000.000	-	292.000.000	109.746.000	-	-	-
6	Đường bê tông xóm Minh Hợp năm 2024, xã Tức Tranh	608.000.000	-	608.000.000	203.000.000	-	-	405.000.000	-	608.000.000	203.144.000	-	-	-
7	Đường bê tông xóm Tân Khê năm 2024, xã Tức Tranh	492.000.000	-	492.000.000	185.000.000	-	-	307.000.000	-	492.000.000	185.054.000	-	-	-
8	Đường bê tông xóm Đồng Hút năm 2024, xã Tức Tranh	546.000.000	-	546.000.000	201.000.000	-	-	345.000.000	-	546.000.000	200.531.000	-	-	-
9	Đường bê tông xóm Quyết Thắng năm 2024, xã Tức Tranh	201.112.000	-	201.112.000	75.652.000	-	-	125.460.000	-	201.112.000	75.643.000	-	-	-